

KẾ HOẠCH

thực hiện Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 115-KL/TW, ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị (*gọi tắt là Kết luận số 115-KL/TW*) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII (*gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW*) về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh như sau:

I - MỤC TIÊU VÀ YÊU CẦU

1. Mục tiêu

Tổ chức quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung, quan điểm, định hướng theo Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị. Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, nhận thức của cán bộ, đảng viên, người dân và doanh nghiệp về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với việc nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực kinh tế trên địa bàn.

2. Yêu cầu

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị phù hợp với chiến lược phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tình hình thực tế địa phương; hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Tất cả các nguồn lực kinh tế phải được kiểm kê, đánh giá, thống kê, hạch toán đầy đủ, đúng đắn; được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, giám sát, kiểm tra, kiểm soát đối với việc khai thác, huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, cạn kiệt nguồn lực và hủy hoại môi trường.

II - NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt, nâng cao trách nhiệm của các

cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực kinh tế trên địa bàn.

Tập trung tinh gọn, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý; tăng cường phân cấp, phân quyền, gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý và sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế. Tiếp tục đổi mới công tác xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch, lấy quy hoạch làm công cụ chủ yếu để huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả theo các tín hiệu của thị trường.

2. Khẩn trương thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá, cập nhật đầy đủ, thực chất các nguồn lực của nền kinh tế trên địa bàn, bảo đảm tất cả các nguồn lực phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, phát huy tối đa hiệu quả và phát triển bền vững. Giải quyết dứt điểm các vấn đề như quy hoạch treo, dự án vướng mắc thủ tục, đất công chưa đưa vào sử dụng, tài sản tranh chấp và các vụ án, vụ việc tồn đọng dẫn đến các nguồn lực chậm đưa vào sử dụng, bị lãng phí.

3. Hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực truyền thống

3.1 - Đối với nguồn nhân lực

- Tập trung thực hiện đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; phát triển đại học số, các phương thức đào tạo mở, có nền tảng dạy và học trực tuyến.

Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động; tăng cường sự liên kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; tập trung phát triển nguồn nhân lực cho những ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, chip bán dẫn...; nâng cao năng lực ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Xây dựng cơ chế, chính sách về phát triển, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực, nhất là về lao động tiền lương, giáo dục - đào tạo, bảo hiểm xã hội...

- Chuyển đổi chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Có chính sách hữu hiệu để nâng tỷ lệ sinh thay thế lên mức thay thế bền vững; chú trọng nâng cao chất lượng dân số, sức khỏe người dân cả về tâm vóc, tuổi thọ, thể chất và tinh thần. Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu an sinh xã hội của tỉnh trên cơ sở kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ xã hội trên nền tảng số.

- Tập trung hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo lộ trình; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; xây dựng chuẩn đầu ra các trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và khung trình độ quốc gia. Gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động, việc làm bền vững, an sinh xã hội. Xây dựng chính sách lao động, việc làm để chủ động thích ứng với tình trạng già hóa dân số nhanh. Quản lý tốt di cư lao động.

- Có chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút, đãi ngộ, sử dụng chuyên gia, nguồn nhân lực chất lượng cao trong một số ngành quan trọng như công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, khoa học vũ trụ... Sớm thực hiện việc trả lương gắn với năng suất và hiệu quả công việc.

3.2 - Đối với nguồn vật lực

- Nâng cao công tác quản lý nhà nước về hoạt động khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản. Đẩy mạnh thăm dò, kiểm kê và đánh giá toàn diện về trữ lượng, khả năng tái tạo của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là các tài nguyên, khoáng sản quan trọng. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản và quản lý môi trường, tiến tới đấu thầu quyền khai thác mỏ, hoạt động khai thác và một số hoạt động phụ trợ khai thác mỏ. Xử lý nghiêm các hoạt động liên quan đến việc khai thác, vận chuyển, chế biến, kinh doanh tài nguyên không phép, trái phép.

- Khẩn trương rà soát lại các quy hoạch về năng lượng; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, có tính an toàn cao, có hiệu quả kinh tế và đã được kiểm chứng. Tiếp tục rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, hoàn thiện quy định pháp luật để tháo gỡ vướng mắc cho các dự án hạ tầng năng lượng; xây dựng hệ thống lưới điện thông minh; hỗ trợ, đôn đốc khởi công và đưa vào vận hành các dự án điện lớn, quan trọng. Tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng và quản lý nhu cầu điện. Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành cập nhật bổ sung.

- Tiếp tục phát triển hạ tầng số toàn diện bao gồm hạ tầng băng rộng và các nền tảng như IoT, AI, Big Data, an ninh mạng, định danh số và thanh toán điện tử; trong đó, hạ tầng di động băng rộng 4G/5G và hạ tầng băng rộng cố định sẽ đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh. Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi từ chính quyền điện tử sang chính quyền số gắn với hiện đại hóa nền hành chính, xây dựng kinh tế số và xã hội số.

- Tập trung đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại theo Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó, tập trung hoàn thiện các thủ tục để khởi công các dự án: Đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, đoạn qua tỉnh Bình Định; Đường cất hạ cánh số 2 và các công trình đồng bộ tại Cảng hàng không Phù Cát... Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ

thực hiện các dự án: Bến cảng Phù Mỹ; Tuyến đường kết nối từ Cao tốc Bắc - Nam về Khu công nghiệp Phù Mỹ và Bến cảng Phù Mỹ; Nâng cấp ga Diêu Trì thành ga tổng hợp, xây dựng mới 02 ga hàng hóa đường sắt tại khu vực xã Phước Lộc (huyện Tuy Phước) và xã Canh Vinh (huyện Vân Canh); các trung tâm logistics; trung tâm hành chính mới của tỉnh; đường sắt cao tốc Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh...

Phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, thông minh; chú trọng quy hoạch để tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả không gian ngầm tại các đô thị. Tiếp tục nghiên cứu chuyển đổi đất công nghiệp trong Khu kinh tế Nhơn Hội sang đất đô thị, dịch vụ.

Xây dựng kế hoạch đẩy mạnh hoàn thiện cơ sở hạ tầng và tăng tỷ lệ lấp đầy trong các khu công nghiệp. Tập trung xây dựng hoàn thành, đưa vào hoạt động các khu công nghiệp đang triển khai thực hiện. Phát triển các cụm công nghiệp mới tại các địa phương khi có điều kiện; đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Bình Định có 68 cụm công nghiệp với tổng diện tích khoảng 3.470 ha.

- Khẩn trương rà soát để có giải pháp tháo gỡ khó khăn, xử lý dứt điểm vướng mắc, tồn tại ở các dự án đầu tư đang tồn đọng, chậm triển khai; các dự án đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào sử dụng.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ các doanh nghiệp nhà nước; nâng cao hiệu quả đầu tư, hoạt động của doanh nghiệp nhà nước một cách toàn diện, minh bạch, hiệu quả, bền vững, bảo đảm tương xứng với nguồn lực nắm giữ thông qua đổi mới quản trị, tối ưu hóa các phương thức sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với nâng cao năng lực vốn, quản trị rủi ro, xử lý nợ xấu. Rà soát, hoàn thiện các quy định về cơ chế tự chủ tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự của các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa cung cấp các dịch vụ công. Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. Có chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích phong trào khởi nghiệp, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, bảo đảm để khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận bình đẳng mọi cơ hội, các nguồn lực, nhất là về vốn, đất đai, tài nguyên.

3.3 - Đối với nguồn tài lực

- Rà soát, đề xuất sửa đổi các chính sách ưu đãi, miễn, giảm thuế không còn phù hợp, bảo đảm công bằng, minh bạch, thúc đẩy cạnh tranh, khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn. Thực hiện các chính sách thu gắn với cơ cấu thu ngân sách nhà nước, bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là nguồn thu mới theo đúng quy định. Giao nhiệm vụ thu ngân sách cho các địa phương phù hợp tình hình và khả năng thực tế theo hướng mở rộng quyền tự chủ cho các địa phương; ngăn chặn và xử lý tình trạng thất thu, trốn thuế và nợ thuế. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng giảm mạnh chi thường xuyên, tăng đầu tư phát triển.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân được tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất hợp lý. Ưu tiên tín dụng cho sản xuất nông nghiệp, hàng xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tháo gỡ vướng mắc về thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, góp phần tăng thu ngân sách cho địa phương.

- Có cơ chế, chính sách cụ thể, hữu hiệu để thu hút có chọn lọc và sử dụng hiệu quả nguồn vốn FDI; khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI. Ưu tiên vốn hỗ trợ phát triển chính thức thể hệ mới cho các ngành trọng điểm và phát triển hạ tầng chiến lược.

- Hoàn thiện quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý tài sản công giữa các cấp chính quyền, cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các quy định về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức do Trung ương ban hành để làm căn cứ quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản công trên địa bàn.

4. Phát huy hiệu quả các nguồn lực mới, tạo đột phá cho phát triển

4.1 - Nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh triển khai toàn diện, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn, các đề án công nghệ cao, xây dựng dữ liệu số đã được phê duyệt để tạo xung lực mới và đột phá phát triển trong giai đoạn tới.

- Ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, chống lãng phí và nuôi dưỡng, làm giàu các nguồn lực, bảo đảm sự phát triển bền vững, lâu dài cho các thế hệ tương lai.

4.2 - Nguồn lực văn hóa, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa chiến lược của quốc gia

- Tăng cường phối hợp đa chiều, liên ngành và dài hạn, đặc biệt là trong phát triển hạ tầng giao thông và logistics, nâng cao vai trò và hiệu quả hợp tác quốc tế, củng cố quốc phòng và an ninh, phát triển du lịch và văn hóa. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035. Xây dựng và hoàn thiện thể chế thu hút các nguồn lực cho phát triển văn hóa; phát triển mạnh các ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa; đẩy mạnh cơ chế hợp tác công tư nhằm thu hút, khuyến khích các nguồn lực ngoài nhà nước tham gia phát triển văn hóa...

- Tập trung hoàn thiện, phát triển và khai thác các sản phẩm du lịch sinh thái, du lịch văn hóa tại các điểm du lịch hiện có của tỉnh, khuyến khích các địa

phương phát huy thế mạnh du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương.

4.3 - Nguồn lực thương hiệu quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam

Phối hợp xây dựng chiến lược thương hiệu quốc gia đúng tầm, thể hiện được vị thế quốc gia, bản sắc văn hóa dân tộc, con người Việt Nam và lợi thế của tỉnh. Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp xây dựng, phát triển thương hiệu. Hỗ trợ nâng cao năng lực các doanh nghiệp vừa và nhỏ để kết nối hiệu quả với doanh nghiệp lớn trong nước, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp quốc tế.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở cấp mình.

2. Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp đẩy mạnh vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này đến các cấp ủy, đơn vị, địa phương, đảng viên và Nhân dân.

4. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch này; thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy./.

Nơi nhận:

- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương,
- Vụ ĐPIL-Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đ/c UVBTVTU,
- Các ban của Tỉnh ủy, UBKTTU,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- CPVP, CVNC,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

Nguyễn Thành Luân

T/M BAN THƯỜNG VỤ



Hồ Quốc Dũng